TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 242/2022/HC-PT
Ngày: 29/6/2022
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyển;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huyền Cường;

Ông Phùng Hải Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thu Mai - Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 60/2021/TLPT-HC ngày 03 tháng 02 năm 2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 282/2020/HC-ST ngày 25,30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5506/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Khuất Thị Phương D, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, thị xã S, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Khuất Thị Hồng H, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, thị xã S, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bị kiện: Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thanh H – Phó trưởng phòng đăng ký kinh doanh. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:*

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn G.

Địa chỉ trụ sở: Thôn L, xã C, thị xã S, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T – Giám đốc. Vắng mặt.

2. Ông Phùng Thế T, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn L, xã C, thị xã S, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn L, xã C, thị xã S, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4. Bà Khuất Thị Hồng H, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, thị xã S, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 26/3/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/7/2019 và các bản khai tiếp theo tại Tòa án, người khởi kiện là bà Khuất Thị Phương D trình bày:*

Tháng 4/2017, bà D và bà Nguyễn Thị T, ông Phùng Thế T cùng nhau thành lập doanh nghiệp để hoạt động kinh doanh. Ngày 10/4/2017, được Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN) cho Công ty TNHH đầu tư G (sau đây viết tắt là Công ty G), mã số doanh nghiệp số Y. Trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có thể hiện rõ bà D chiếm 48%, ông T chiếm 50%, bà T chiếm 02% vốn điều lệ.

Trong khoảng thời gian từ khi thành lập Công ty đến tháng 11/2018, bà D đã đóng góp đầy đủ các khoản vốn để xây dựng, đầu tư và kinh doanh 02 địa điểm Công ty đã ký hợp đồng thuê để kinh doanh là ½ nhà dịch vụ A3 và 05 gian nhà lá - Khu ẩm thực ven hồ của Ban quản lý Khu C.

Bà D đã nhiều lần đề nghị Công ty cung cấp bản Điều lệ, sổ đăng ký thành viên, Giấy chứng nhận góp vốn, các Nghị quyết họp Hội đồng thành viên và các giấy tờ pháp lý khác của Công ty nhưng bà T và Công ty cố tình không cung cấp.

Thời gian gần đầy bà D mới biết được Công ty đã được Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là Phòng đăng ký kinh doanh) cấp GCNĐKDN thay đổi lần thứ nhất vào ngày 07/11/2018. Theo đó nội dung thay đổi đang là 03 thành viên là bà D, bà T và ông T sang chỉ còn 02 thành viên là bà T chiếm 50% vốn điều lệ, ông T chiếm 50% vốn điều lệ.

Trên thực tế từ khi thành lập Công ty đến nay, bà D chưa bao giờ được mời họp Hội đồng thành viên cũng như các cuộc họp khác của Công ty, bà D cũng chưa ký vào bất cứ văn bản nào của Công ty cũng như Biên bản họp Hội đồng thành viên, Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp của bà D cho người khác. Hiện nay bà D vẫn đang ủy quyền cho người khác tham gia quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty tại 02 địa điểm kinh doanh là ½ nhà dịch vụ A3 và 05 gian nhà lá - Khu ẩm thực ven hồ của Ban quản lý Khu C và vẫn được chia lợi tức nếu Công ty hoạt động có lãi.

Vì vậy, Phòng đăng ký kinh doanh cấp GCNĐKDN thay đổi lần thứ nhất vào ngày 07/11/2018 cho Công ty đã làm xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Bà D yêu cầu Tuyên hủy GCNĐKDN thay đổi lần thứ nhất vào ngày 07/11/2018 đã được Phòng đăng ký kinh doanh cấp thay đổi cho Công ty G.

** Người bị kiện là Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội trình bày:*

Công ty G, địa chỉ trụ sở chính tại: Xã C, thị xã S, thành phố Hà Nội, có mã số doanh nghiệp Y, GCNĐKDN cấp lần đầu ngày 10/4/2017, thay đổi lần thứ nhất ngày 07/11/2018, doanh nghiệp thực hiện thủ tục thay đổi thành viên Công ty do chuyển nhượng, bổ sung số điện thoại và mã hóa ngành nghề.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ, hồ sơ của Công ty gồm có:

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

- Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh đã hoàn tất việc chuyển nhượng;

- Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc GCNĐKDN hoặc giấy tờ tương đương khác, bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định này của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng đối với thành viên mới là tổ chức hoặc bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định này của thành viên mới là cá nhân;

+ Về nguyên tắc áp dụng giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp:

Tại Điều 4 Nghị định 78/2015/NĐ-CP được bổ sung tại Điều 1, Mục 1 Nghị định 108/2018/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định:

"1. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp...

2. Cơ quan đăng ký doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính hợp lệ qua hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của doanh nghiệp và người thành lập doanh nghiệp".

Khoản 15 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2014 quy định về hồ sơ hợp lệ là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ theo quy định của Luật này và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật".

Trên cơ sở hồ sơ hợp lệ, Phòng đăng ký kinh doanh đã cấp GCNĐKDN thay đổi lần thứ nhất ngày 07/11/2018 cho Công ty G theo đúng quy định của pháp luật.

+ Về quy định việc thu hồi đăng ký kinh doanh:

Được thực hiện theo quy định tại Điều 211 Luật doanh nghiệp năm 2014.

+ Về giải quyết hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo:

Quy định tại Điều 62 Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

+ Về quá trình giải quyết đơn đề nghị của bà D:

Ngày 15/11/2018 và ngày 30/5/2019 Phòng đăng ký kinh doanh nhận được văn bản đề nghị ngăn chặn việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và ngày 26/11/2018 nhận được văn bản đề nghị hủy kết quả thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của bà D.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đăng ký kinh doanh, Phòng đăng ký kinh doanh đã trả lời và thông tin về việc giải quyết hồ sơ đăng ký doanh nghiệp cũng như quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp đầy đủ cho bà D tại Công văn số 2905/CCTT-ĐKKD ngày 6/12/2018 và Công văn số 392/CV-ĐKKD ngày 17/6/2019 cung cấp thông tin doanh nghiệp và hướng dẫn trả lời đề nghị của bà D.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty G trình bày:

Ngày 10/4/2017, Công ty được Phòng Đăng ký kinh doanh cấp GCNĐKDN. Danh sách thành viên góp vốn gồm có ông T, bà D và bà T, trong đó:

- Ông T góp 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng tương ứng với 50% vốn điều lệ Công ty.

- Bà D góp 2.880.000.000 (hai tỷ tám trăm tám mươi triệu) đồng tương ứng với 48% vốn điều lệ Công ty.

- Bà T góp 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng tương ứng với 02% vốn điều lệ Công ty.

Do bà D không thực hiện việc góp vốn vào Công ty như cam kết nên Hội đồng thành viên nhất trí để bà T sẽ thực hiện việc góp vốn đối với phần vốn góp của bà D. Bà T đã thực hiện xong việc góp vốn với tổng số tiền góp vốn là 3.000.000.000 đồng, tương ứng với 50% vốn điều lệ Công ty.

Ngày 01/11/2018, Hội đồng thành viên Công ty đã họp, thống nhất và ra Quyết định về việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh. Bà D cũng đã ký tên thể hiện sự đồng ý đối với việc thay đổi này trong Biên bản họp và Quyết định của Hội đồng thành viên công ty. Công ty đã thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp tại Phòng đăng ký kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật. Hồ sơ được nộp tại Phòng đăng ký kinh doanh và được Phòng đăng ký kinh doanh chấp thuận.

Ngày 07/11/2018, Công ty đã được cấp GCNĐKDN thay đổi lần thứ nhất với nội dung thay đổi danh sách thành viên góp vốn gồm có ông T và bà T, trong đó:

- Ông T góp 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng tương ứng với 50% vốn điều lệ Công ty.

- Bà T góp 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng tương ứng với 50% vốn điều lệ Công ty.

Bà D biết rõ việc Công ty đã hoàn tất thủ tục thay đổi thành viên góp vốn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng không có ý kiến gì.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu hủy GCNĐKDN thay đổi lần thứ nhất của Công ty là không có cơ sở, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bác yêu cầu khởi kiện của bà D, giữ nguyên GCNĐKDN thay đổi lần thứ nhất ngày 07/11/20178 của Công ty G.

2. Bà Nguyễn Thị T trình bày:

Tháng 4/2017, bà cùng với ông T và bà D thành lập Công ty G. Trong đó, vốn góp của bà là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng tương ứng với 02% vốn điều lệ Công ty. Số vốn góp của bà D là 2.880.000 (hai tỷ tám trăm tám mươi triệu) đồng, tương ứng với 48% vốn điều lệ Công ty.

Ngày 01/11/2018, bà và bà D đã ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp, theo đó bà D chuyển toàn bộ phần vốn góp của bà D sang cho bà. Việc ký họp đồng chuyển nhượng chỉ để hoàn thành thủ tục do thực tế bà D chưa góp bất kỳ đồng vốn nào vào Công ty.

Việc lấy chữ ký của bà D trên Hợp đồng chuyển nhượng và Biên bản thanh lý do bà H (chị gái bà D và cũng là bạn làm ăn của bà) phụ trách. Sau đó, bà H nộp bản Hợp đồng và Biên bản thanh lý có đầy đủ chữ ký của bà D và của bà cho Công ty để Công ty thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp tại Phòng Đăng ký kinh doanh.

Ngày 07/11/2018, Công ty đã được cấp GCNĐKDN thay đổi lần thứ nhất. Theo nội dung thay đổi thì Công ty còn hai thành viên là bà và ông T.

Việc mua bán phần vốn góp giữa bà và bà D là hoàn toàn do ý chí tự nguyện của hai bên. Bà không hiểu lý do vì sao sự việc xảy ra đã lâu, bà D không có ý kiến gì nhưng đến nay lại yêu cầu hủy GCNĐKDN ngày 07/11/2018 của Công ty. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D bởi lẽ việc chuyển nhượng phần vốn góp đã được các thành viên Công ty bàn bạc, thống nhất và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

3. Ông Phùng Thế T trình bày:

Tháng 4/2017, ông cùng với bà T và bà D thành lập Công ty G. Trong đó, vốn góp của ông là 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng tương ứng với 50% vốn điều lệ Công ty.

Ngày 01/11/2018, Hội đồng thành viên Công ty đã họp, thống nhất và ra Quyết định về việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, theo đó toàn bộ phần vốn góp của bà D sẽ chuyển tên cho bà T. Ông được biết Công ty đã thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp tại Phòng đăng ký kinh doanh.

Ngày 07/11/2018, Công ty đã được cấp GCNĐKDN thay đổi lần thứ nhất. Theo nội dung thay đổi thì Công ty còn hai thành viên là ông và bà T. Đối với việc thay đổi này ông không có ý kiến gì.

Việc mua bán phần vốn góp giữa bà D và bà T ông không biết, còn việc hai bên ký kết hợp đồng như thế nào, ông không chứng kiến. Sự việc xảy ra đã lâu, bà D không có ý kiến gì nhưng đến nay lại yêu cầu hủy GCNĐKDN ngày 07/11/2018 của Công ty. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D vì việc chuyển nhượng phần vốn góp đã được các thành viên công ty bàn bạc, thống nhất và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

4. Bà Khuất Thị Hồng H trình bày:

Bà H là nhân viên đang làm việc tại Ban quản lý (BQL) khu C từ năm 2010. Năm 2016, bà được biết BQL khu C kêu gọi các nhà đầu tư vào BQL để kinh doanh dịch vụ giải khát và quà lưu niệm phục vụ du khách, bà đã bảo cho bà D (là em gái), bà T (là bạn) làm các thủ tục để được kinh doanh tại BQL khu C.

Tháng 7/2016, BQL khu C đồng ý cho bà D và bà T bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh tại ½ nhà dịch vụ A3. Trong quá trình kinh doanh, do nhu cầu công việc nên bà T và bà D có bàn bạc và thống nhất thành lập Công ty G có mã số doanh nghiệp Y do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 10/4/2017.

Khi thành lập Công ty, bà D và bà T thống nhất một số nội dung:

- Bà T làm giám đốc, đại diện pháp luật của Công ty có 02% vốn điều lệ, tương ứng 120.000.000 đồng thành viên của Công ty;

- Ông T là chồng bà T có 50% vốn điều lệ, tương ứng 3.000.000.000 đồng thành viên của Công ty;

- Bà D có 48% vốn điều lệ, tương ứng 2.880.000.000 đồng thành viên của Công ty;

Lập tài khoản của Công ty G tại Ngân hàng BIDV số X;

- Bà H làm kế toán trưởng của Công ty G;

Do hoàn cảnh của bà D không thể trực tiếp giám sát, quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty, giữa bà và bà T là bạn thân với nhau, bà lại đang công tác tại BQL khu C nên bà D đã ủy quyền cho bà thay mặt bà D điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty được chia làm hai bên cùng gốp vốn đầu tư: Bên vợ chồng bà T và bên bà D. Từ khi thành lập Công ty cho đến nay bà đều đại diện cho bà D để thực hiện các công việc ở Công ty.

Ngày 01/5/2017, BQL khu C chính thức ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 06/HĐGR-2017 với Công ty G, BQL khu C giao cho Công ty tổ chức kinh doanh đồ lưu niệm, giải khát, thuê xe đạp... tại địa điểm ½ nhà A3.

Ngày 01/9/2017, Công ty tiếp tục ký Hợp đồng số 08/HĐGR-2017 với BQL khu C về việc cung cấp dịch vụ ẩm thực và giải khát cho du khách tại 05

gian nhà mái lá.

Ngày 01/11/2018, bà D đã gửi công văn cho Ngân hàng BIDV - Chi nhánh H – huyện T yêu cầu ngăn chặn mọi giao dịch của Công ty. Để phòng ngừa những hành vi vi phạm pháp luật của những người quản lý Công ty có thể sẽ làm hồ sơ giả mạo/trái pháp luật, nên ngày 12/11/2018, bà D đã gửi đơn lên Phòng đăng ký kinh doanh để đề nghị ngăn chặn việc thay đổi nội dung đăng ký Doanh nghiệp của công ty. Tuy nhiên, ngày 17/11/2018, khi kiểm tra thông tin trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, bà được biết Công ty đã được cấp GCNĐKDN thay đổi lần thứ nhất vào ngày 07/11/2018 với nội dung thay đổi thành viên từ 03 thành viên sang chỉ còn 02 thành viên.

Phòng đăng ký kinh doanh cũng có Công văn trả lời số 2905/CCTT-ĐKKD trong đó cung cấp cho bà D GCNĐKDN thay đổi lần thứ nhất ngày 07/11/2018 đúng như nội dung mà bà D đã kiểm tra trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Bà D đã nhiều lần đề nghị Công ty cung cấp Điều lệ, sổ đăng ký thành viên, Giấy chứng nhận góp vốn, các Nghị quyết họp Hội đồng thành viên và các giấy tờ pháp lý của Công ty nhưng bà T và Công ty cố tình không cung cấp. Công ty chưa bao giờ mời bà D tham dự bất kỳ cuộc họp nào và bà D cũng chưa bao giờ ký vào biên bản họp Hội đồng thành viên hay Hợp đồng chuyển nhượng vốn sang cho người khác, thì việc thay đổi thành viên trong Công ty đã vi phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bà D.

Bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết yêu cầu của bà D, tuyên hủy GCNĐKDN thay đổi lần thứ nhất được Phòng đăng ký kinh doanh cấp đổi cho Công ty G.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 282/2020/HC-ST ngày 25, 30/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 62 Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Khuất Thị Phương D, hủy giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 ngày 07/11/2018 của Công ty TNHH đầu tư G do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội.

Về án phí: Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư thành

phố Hà Nội phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/11/2020, người bị kiện là Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về án phí, đề nghị xác định Phòng đăng ký kinh doanh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không phải chịu án phí sơ thẩm; việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Phòng đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 07/11/2018 cho Công ty G không đúng quy định pháp luật là sai.

Ngày 15/10/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty G kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện cho Phòng đăng ký kinh doanh giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn là Phòng đăng ký kinh doanh trình bày: Hồ sơ Công ty G đề nghị thay đổi đăng ký doanh nghiệp lần thứ nhất là hợp lệ, Công ty phải có nghĩa vụ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ, nên việc cấp GCNĐKDN thay đổi lần thứ nhất là đúng thẩm quyền; Đề nghị xác định Phòng đăng ký kinh doanh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, theo đó không phải chịu án phí sơ thẩm, đồng thời xác định rõ đối tượng giả mạo hồ sơ làm căn cứ giải quyết vụ án, đồng thời chịu trách nhiệm nộp án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Công ty G và không chấp nhận kháng cáo của Phòng đăng ký kinh doanh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của các bên đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty G đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không rõ lý do nên được coi là từ bỏ kháng cáo. Theo đó, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Công ty G; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt nhưng đã có quan điểm thể hiện trong hồ sơ vụ án, xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của người bị kiện nên Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của Phòng đăng ký kinh doanh, HĐXX thấy:

[2.1]. Về thẩm quyền cấp GCNĐKDN thay đổi lần thứ nhất: Ngày 10/4/2017 Công ty G được Phòng đăng ký kinh doanh cấp GCNĐKDN, trong đó danh sách thành viên góp vốn gồm: Ông Phùng Thế T: 3.000.000.000 đồng (50% vốn góp); bà Khuất Thị Phương D: 2.880.000.000 đồng (48% vốn góp); bà Nguyễn Thị T: 120.000.000 đồng (2% vốn góp).

Ngày 07/1/2018, Công ty G được Phòng đăng ký kinh doanh cấp GCNĐKDN, đăng ký thay đổi lần thứ nhất, trong đó, danh sách thành viên góp vốn gồm: Ông Phùng Thế T: 3.000.000.000 đồng (50% vốn góp); bà Nguyễn Thị T: 3.000.000.000 đồng (50% vốn góp), đồng thời bổ sung số điện thoại và mã hóa ngành nghề.

Tòa án cấp sơ thẩm khi xem xét về thẩm quyền, trình tự cấp GCNĐKDN thay đổi lần thứ nhất đã nhận định việc Phòng đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất cho Công ty G là đúng thẩm quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ.

Xét hồ sơ Công ty G đề nghị thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp về hình thức là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ. Tuy nhiên, về nội dung, căn cứ vào kết luận giám định số 120/GĐKTHS-P11 ngày 19/6/2020 của Phòng giám định Kỹ thuật hình sự - Bộ Quốc phòng và Kết luận giám định số 7962/KLGĐ-PC09-Đ4 ngày 08/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, xác định Biên bản họp Hội đồng thành viên số 111/BB – G ngày 01/11/2018, Quyết định của Hội đồng thành viên số 1109/QĐ – G ngày 01/11/2018 của Công ty G; Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 01/11/2018, Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 01/11/2018 giữa bên chuyển nhượng bà Khuất Thị Phương D và bên nhận chuyển nhượng Nguyễn Thị T là giả mạo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 62 Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính Phủ. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm cũng như quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, bà H, bà D đều khẳng định không ký vào các văn bản trên, không tham dự cuộc họp của Hội đồng thành viên Công ty vào ngày 01/11/2018.

Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định không có sự việc bà D chuyển nhượng phần vốn góp của mình sang cho bà T dẫn đến việc Công ty đề nghị thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp từ 03 thành viên góp vốn sang 02 thành viên góp vốn không hợp lệ, từ đó hủy GCNĐKDN thay đổi lần thứ nhất của Công ty G là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tại khoản 3 Điều 4; khoản 1 Điều 15 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 có quy định Phòng đăng ký kinh doanh chỉ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà không phải chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của doanh nghiệp xảy ra trước và sau khi đăng ký doanh nghiệp; người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính

xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm hủy GCNĐKDN thay đổi lần thứ nhất của Công ty G không đồng nghĩa với việc Phòng đăng ký kinh doanh có lỗi trong việc cấp GCNĐKDN thay đổi lần thứ nhất cho Công ty G. Tòa án cấp sơ thẩm nhận xét Phòng đăng ký kinh doanh cấp GCNĐKDN thay đổi lần thứ nhất ngày 07/11/2018 cho Công ty G không đúng quy định pháp luật là không chính xác.

[2.2]. Đối với yêu cầu kháng cáo của Phòng đăng ký kinh doanh về án phí và xác định tư cách tham gia tố tụng: Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 07/11/2018 của Công ty G do Phòng đăng ký kinh doanh ban hành, do đó cấp sơ thẩm xác định Phòng đăng ký kinh doanh là người bị kiện là đúng quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật tố tụng hành chính. Căn cứ quy định tại khoản 2 điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, việc người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm trong trường hợp Tòa án tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng quy định pháp luật.

[3]. Việc hủy GCNĐKDN thay đổi lần thứ nhất của Công ty G không làm mất đi quyền yêu cầu giải quyết tranh chấp việc chuyển nhượng vốn góp trong công ty.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Phòng đăng ký kinh doanh không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của Phòng đăng ký kinh doanh.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Phòng đăng ký kinh doanh phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty G đã nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 229; khoản 1, khoản 5 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Trách nhiệm hữu hạn G.

2. Bác toàn bộ kháng cáo của người bị kiện là Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 282/2020/HC-ST ngày 25,30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Cụ thể:

Căn cứ khoản 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 28 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 62 Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Khuất Thị Phương D, hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 07/11/2018 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn G do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Về án phí sơ thẩm: Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả bà Khuất Thị Phương D (do anh Lê Văn T nộp) 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013331 ngày 01/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

2. Về án phí phúc thẩm:

Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ đi số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020919 ngày 09/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm Công ty TNHH đầu tư G đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020891 ngày 02/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Tuyển